TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 20/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 19 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 251/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Bùi Ngọc S - sinh năm 1982; nơi thường trú: 7, thôn K, xã K, tỉnh Hưng Yên; nơi tạm trú: tổ E, khu F, phường H, tỉnh Quảng Ninh;

- Chị Phạm Hải P - sinh năm 1986; nơi thường trú: 7, thôn K, xã K, tỉnh Hưng Yên; nơi tạm trú: tổ E, khu F, phường H, tỉnh Quảng Ninh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Hải P và anh Bùi Ngọc S chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K (nay là xã K), tỉnh Hưng Yên vào ngày 08/9/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị Phạm Hải P và anh Bùi Ngọc S có quan điểm sống không đồng nhất, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh Bùi Ngọc S và chị Phạm Hải P đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn nhưng không được. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải, phân tích giúp vợ chồng hàn gắn nhưng không thành công. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa, nên chị Phạm Hải P và anh Bùi Ngọc S thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Phạm Hải P và anh Bùi Ngọc S có 02 con chung là Bùi Phạm Thu N, sinh ngày 30/7/2009 và Bùi Khải H, sinh 25/6/2014. Khi ly hôn, anh S, chị P thỏa thuận: chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Bùi Phạm Thu N đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); anh Bùi Ngọc S trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Khải H đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Các bên có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: anh S, chị P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: chị Phạm Hải P và anh Bùi Ngọc S thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: chị Phạm Hải P và anh Bùi Ngọc S không có khoản nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Toà án: chị Phạm Hải P và anh Bùi Ngọc S thoả thuận thống nhất: anh Bùi Ngọc S chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Hải P và anh Bùi Ngọc S thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Phạm Hải P và anh Bùi Ngọc S có 02 con chung là Bùi Phạm Thu N, sinh ngày 30/7/2009 và Bùi Khải H, sinh 25/6/2014. Khi ly hôn, anh S, chị P thỏa thuận: chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Bùi Phạm Thu N đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); anh Bùi Ngọc S trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Khải H đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Các bên có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: anh S, chị P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: chị Phạm Hải P và anh Bùi Ngọc S thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: chị Phạm Hải P và anh Bùi Ngọc S không có khoản nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: anh Bùi Ngọc S tự nguyện nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002625 ngày

19/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Anh Bùi Ngọc S đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV1 – Quảng Ninh;
- VKSND T.Quảng Ninh
- Thi hành án dân sự T. Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu VP, HSVA.

Đoàn Thị Thủy